

KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2012 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2013

TS. Nguyễn Bình Giang

Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

Email: ng.binh.giang@gmail.com

Kinh tế toàn cầu năm 2012 phục hồi chậm chạp nhất là ở các nền kinh tế phát triển, tỷ lệ thất nghiệp cao, tự do hóa thương mại khu vực và song phương được đẩy mạnh, nhưng đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm tăng trưởng do thay đổi trong kỳ vọng của nhà đầu tư và do thanh khoản kém. Các ứng phó chính sách vẫn chủ yếu xoay quanh nới lỏng tiền tệ, kích cầu, và tái cấu trúc các ngân hàng. Kinh tế toàn cầu năm 2013 có thể tăng nhanh hơn, song không có sự chuyển biến lớn. Những rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế trong năm 2013 là thắt chặt tài chính ở Mỹ và khủng hoảng nợ công ở châu Âu cũng như nguy cơ một cú sốc giá dầu do chiến tranh ở Trung Đông

Từ khóa: Kinh tế thế giới, chính sách kinh tế, tăng trưởng, thương mại, đầu tư, thất nghiệp, lạm phát.

I. Chính sách kinh tế

1.1. Chính sách kinh tế vĩ mô

Để đối phó với tình trạng chững lại của phục hồi kinh tế, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã triển khai đợt nới lỏng tiền tệ định lượng lần thứ ba (QE3) vào tháng 9/2012 trong khi vẫn duy trì lãi suất cực thấp. Điểm đáng chú ý trong QE3 là Fed sẽ mua không hạn chế trái phiếu chính phủ cho đến khi tỷ lệ thất nghiệp xuống dưới 7% hoặc lạm phát tăng lên trên 3%. Đây là thay đổi mới trong chính sách tiền tệ của Fed và được xem là dấu hiệu Fed đang dần từ bỏ chính sách mục tiêu lạm phát và chuyển sang chính sách mục tiêu mức GNP danh nghĩa - được một số nhà kinh tế xuất chúng ủng hộ. Giữa tháng 12/2012, Fed lại thông báo một đợt nới lỏng tiền tệ định lượng nữa, theo đó mỗi tháng Fed sẽ bơm vào thị trường tiền tệ 85 tỷ dollar và thời gian thực hiện sẽ kéo dài cho đến khi tỷ lệ thất nghiệp ở

Mỹ hạ xuống dưới 6,5% đồng thời tỷ lệ lạm phát vượt lên trên 2,5%.

Sự bất trắc của kinh tế thế giới cộng với lo ngại về xuất khẩu sang Trung Quốc giảm do phong trào bài Nhật liên quan đến tranh chấp Senkaku đã khiến Ngân hàng Nhật Bản quyết định nới lỏng tiền tệ hơn nữa vào tháng 9/2012 bằng cách mua lại tài sản của các ngân hàng thương mại - chỉ sau thông báo về QE3 của Fed vài ngày.

Trong khi đó, Ngân hàng Trung ương châu Âu có một động thái đáng chú ý trong năm 2012, đó là tuyên bố vào ngày 06/9/2012 triển khai Outright Monetary Transactions (OMTs). Theo chương trình này, ECB sẽ mua vào không hạn chế trái phiếu chính phủ định danh bằng ngoại tệ (sovereign bond) có kỳ hạn ngắn 1-3 năm và sẽ thực hiện thanh khoản đối ứng triệt để nhằm ổn định giá cả.

Chính phủ Trung Quốc đã triển khai các chính

sách tài chính-tiền tệ để đối phó. Hai gói kích cầu được tung ra lần lượt vào tháng 5 và tháng 9; hai đợt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc lần lượt vào tháng 3 và tháng 5; hai đợt giảm lãi suất tham chiếu 1 năm (như lãi suất cố định) lần lượt vào tháng 6 và tháng 7; đồng thời, trần lãi suất huy động tối đa được nói lên hơn 10 điểm phần trăm so với lãi suất tham chiếu trong khi trần lãi suất cho vay tối thiểu được hạ xuống bằng 70% lãi suất tham chiếu.

1.2. Chính sách giải quyết khủng hoảng nợ công

Các bộ trưởng tài chính EU đã nhất trí về nguyên tắc đối với gói cứu trợ đi kèm thỏa thuận hoán đổi nợ giữa Hy Lạp và các chủ nợ tư nhân. Ngay sau đó, Quốc hội Hy Lạp đã thông qua luật về chương trình hoán đổi nợ. Hy Lạp cũng sửa đổi hiến pháp để đảm bảo thanh toán những khoản nợ đáo hạn. Gói cứu trợ đã cứu cho Hy Lạp khỏi vỡ nợ và giữ nước này ở lại liên minh tiền tệ.

Quan trọng hơn việc cứu Hy Lạp, các nước EU đã phải có những hành động quyết liệt để giải quyết cuộc khủng hoảng của khối và củng cố lòng tin của người dân và các nhà đầu tư. Cụ thể, ESM² được thành lập để thay thế cho EFSF³ và EFSM⁴. ESM, với ngân quỹ lên tới 500 tỷ Euro cộng với 200 tỷ Euro kế thừa từ EFSF, được ký kết vào tháng 2/2012 và đã có hiệu lực từ tháng 10/2012. Chức năng của ESM là hỗ trợ tài chính (cho vay) cho các thành viên Eurozone nào gặp khó khăn do nợ công, bơm vốn cho các ngân hàng nào thiếu vốn, mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp để hỗ trợ việc phát hành trái phiếu của các nước thành viên. Dĩ nhiên, để được ESM hỗ trợ như thế, nước hoặc ngân hàng xin cứu trợ phải đáp ứng các điều kiện cải cách nhất định.

Đồng thời, Hiệp ước Tài chính châu Âu⁵ được ký kết để thay thế cho Euro Plus Pact đã thỏa thuận năm 2011. Hiệp định này (ký vào tháng 3/2012) yêu cầu các nước thành viên đưa vào luật pháp của nước mình các điều khoản về bắt buộc cân bằng hoặc thặng dư ngân sách theo định nghĩa của Hiệp ước. Hiệp ước sẽ có hiệu lực đối với các nước thành viên nào phê chuẩn ngay khi có đủ 12 thành viên phê chuẩn, hoặc từ ngày 1/1/2013 nếu trước đó không có đủ 12 thành viên phê chuẩn.

Cũng để giải quyết cuộc khủng hoảng nợ công, Liên minh châu Âu đã nhất trí thành lập Cơ chế

Giám sát Chung (SSM) vào cuối năm 2012. Với SSM, bắt đầu từ năm 2013, ECB sẽ có quyền giám sát các ngân hàng thương mại của các nước thành viên Eurozone (có khoảng 6000 ngân hàng) và đôi lại có thể cấp tài chính thẳng cho các ngân hàng chứ không cần qua chính phủ quốc gia nữa - nhờ đó đỡ làm tăng gánh nặng nợ công của các nước.

1.3. Tự do hóa thương mại trong khuôn khổ các hiệp định khu vực

Sau khi đạt được bước tiến quan trọng trong năm 2011, Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược Xuyên Thái Bình Dương (TPP) tiếp tục các cuộc đàm phán dồn dập của mình trong năm 2012 với 5 vòng đàm phán liên tiếp. Mặc dù tiến hành khẩn trương, nhưng nội dung đàm phán luôn được giữ kín. Văn kiện đàm phán gồm 29 chương, nhưng cho đến vòng đàm phán 14, chưa có chương nào đàm phán xong. Những vấn đề đàm phán phức tạp là khu vực doanh nghiệp nhà nước (Việt Nam và Malaysia muốn bảo hộ), quyền sở hữu trí tuệ (Mỹ muốn bảo hộ), tiếp cận thị trường Mỹ của đường mía do Úc sản xuất. Cho dù kết quả đàm phán được Đại diện Thương mại Mỹ ghi nhận là có nhiều bước tiến, song thời hạn kết thúc đàm phán đã không được bảo đảm. Theo dự kiến trước đây, cuối năm 2012 sẽ kết thúc đàm phán, nhưng do bất đồng vẫn còn, nên thời hạn cuối được gia hạn đến cuối năm 2013.

Trong khi đó, ngày 20/11/2012 tại Hội nghị Cấp cao XXI của ASEAN, các nhà lãnh đạo ASEAN và sáu nước đối tác đã đồng ý bắt đầu đàm phán về Hiệp định Đối tác Khu vực Toàn diện (Regional Comprehensive Economic Partnership, RCEP) từ năm 2013. Dự kiến, việc đàm phán RCEP sẽ kết thúc vào năm 2015. RCEP là một sáng kiến của ASEAN, nêu ra từ Cấp cao XIX hồi tháng 11/2011 để thống nhất tất cả các hiệp định thương mại tự do ASEAN+1 lại thành một hiệp định kinh tế chung của khu vực. Không chỉ thống nhất lại để tránh tình trạng "bát mì" các hiệp định, RCEP sẽ tạo ra sự hợp tác kinh tế sâu rộng hơn so với các hiệp định hiện có. RCEP sẽ tự do hóa hơn nữa thương mại hàng hóa và dịch vụ, loại bỏ các hàng rào thương mại, và từng bước tự do hóa dịch vụ, xây dựng khu vực đầu tư chung rộng lớn. RCEP sẽ còn bao gồm các lĩnh vực hợp tác kinh tế và kỹ thuật, sở hữu trí tuệ, cạnh tranh, giải quyết mâu thuẫn,... Tuy nhiên, RCEP vẫn lưu ý hoàn cảnh khác nhau của các nước thành

viên. Sau khi đàm phán giữa ASEAN với sáu nước đối tác kết thúc, các quốc gia khác có thể tham gia đàm phán gia nhập.

Trong khi, TPP tiến lên và RCEP bắt đầu, thì trong khuôn khổ APEC, các nhà lãnh đạo đã ưu tiên thảo luận về liên kết kinh tế khu vực và tự do hóa thương mại và đầu tư. Hội đồng Tư vấn Kinh doanh APEC (ABAC) kêu gọi tiếp tục thúc đẩy Khu vực Mậu dịch Tự do châu Á- Thái Bình Dương (FTAAP).

2. Thực trạng kinh tế thế giới năm 2012

2.1. Tăng trưởng kinh tế

Nhìn vào mặt cầu, theo IMF, GDP thực tế toàn cầu năm 2012 tăng 3,2% so với năm trước. Tuy nhiên, tăng trưởng như thế giảm tốc so với các năm 2010 và 2011. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy

giảm kéo theo tốc độ tăng giá cả chậm lại.

Mỹ phục hồi nhanh nhất trong các nền kinh tế phát triển theo nghĩa quy mô GDP ngay từ cuối năm 2011 đã vượt mức đỉnh cao trước khủng hoảng. Tuy nhiên, tốc độ tăng GDP trong năm 2012 thì không tăng nhanh như kỳ vọng (chỉ 2,2% so với 1,8% năm 2011 và 2,4% năm 2010). Mặc dù số lượng việc làm mới được tạo ra tính tại thời điểm tháng 10/2012 đã đạt mức cao nhất kể từ khi khủng hoảng, song chỉ số niềm tin của người tiêu dùng và của nhà đầu tư vẫn thấp khiến cho đầu tư tăng chậm.

Nhật Bản đã thoát khỏi cuộc suy thoái năm 2011 (do thảm họa kép động đất và sóng thần tháng 3/2011) và trở thành một trong những nước tăng trưởng nhanh nhất trong nhóm nước phát triển. Một phần là nhờ xuất khẩu sang Mỹ gia tăng, một phần

Bảng 1: Tăng trưởng GDP thực tế hàng năm của nhóm G-20
(xếp theo thứ tự từ chậm tới nhanh năm 2012)

Đơn vị: %

Thành viên	2011	2012	2013
Liên minh châu Âu	1,6	-0,2	0,5
Brasil	2,7	1,5	3,5
Canada	2,4	2,0	1,8
Nhật Bản	-0,8	2,0	1,2
Mỹ	1,8	2,3	2,0
Nam Phi	3,1	2,3	2,8
Argentina	8,9	2,6	3,1
Hàn Quốc	3,6	2,7	3,6
Thổ Nhĩ Kỳ	8,5	3,0	3,5
Úc	2,1	3,3	3,0
Nga	4,3	3,6	3,7
Mexico	3,9	3,8	3,5
Ấn Độ	6,8	4,5	5,9
Ả Rập Saudi	7,1	6,0	4,2
Indonesia	6,5	6,0	6,3
Trung Quốc	9,2	7,8	8,2

Ghi chú: Các nước Anh, Đức, Pháp, Ý mặc dù là thành viên độc lập của G-20 nhưng thực ra lại là thành viên EU, nên ở đây chúng tôi không liệt kê các nước đó nữa vì đã liệt kê EU. Số liệu 2012 và 2013 là dự báo.

Nguồn: IMF World Economic Outlook October 2012, IMF World Economic Outlook Update January 2013.

khác là nhờ gói kích cầu năm 2011 và các đợt nới lỏng tiền tệ bằng cách ngân hàng trung ương mua lại trái phiếu của ngân hàng thương mại (từ tháng 4/2012) đã phát huy tác dụng thông qua kích thích nhu cầu trong nước. Tháng 8/2012, Nhật Bản đã có thặng dư tài khoản vãng lai trở lại sau 18 tháng liên tục trước đó thâm hụt. Nếu xuất khẩu sang Mỹ không gia tăng, kinh tế Nhật Bản đã có thể khó khăn hơn vì xuất khẩu sang Trung Quốc thì trì trệ, còn xuất khẩu sang châu Âu thì giảm đi.

Việc triển khai các quỹ ổn định tài chính và hiệp ước tài chính chậm chạp và bị quốc dân các nước thành viên Eurozone phản đối dữ dội, nên tình hình các nước thành khu vực đồng Euro ngày càng xấu đi, nếu không rơi vào suy thoái thì cũng giảm tăng trưởng. Tháng 1/2012, Standard & Poor's đã hạ mức xếp hạng của một loạt nước thành viên Eurozone trong đó có cả Pháp, sau đó hạ tiếp cả mức xếp hạng tín nhiệm của EFSF. Cuộc khủng hoảng đã làm xuất hiện nguy cơ vỡ nợ không thể kiểm soát ở Hy Lạp và nguy cơ nước này ra khỏi liên minh tiền tệ Euro. May mắn là các nhà lãnh đạo châu Âu và Hy Lạp sau đó đã đạt được thỏa thuận để giải quyết. Chính sách thắt lưng buộc bụng để giảm nợ công lại dẫn đến hậu quả là tăng trưởng kinh tế giảm và thất nghiệp gia tăng nhất là ở nhóm nước chịu khủng hoảng nặng nhất là PIIGS. Biểu tình phản đối kéo dài và lan rộng.

Trung Quốc trải qua năm thứ tư liên tiếp giảm tăng trưởng. GDP của Trung Quốc năm 2012 vẫn tăng với tốc độ vào loại cao nhất thế giới - 7,8% theo IMF, nhưng nếu so với tốc độ tăng của năm 2011 (9,2%) thì thấy giảm tốc rõ rệt. Tăng trưởng GDP của Ấn Độ thì từ 10,1% năm 2010 xuống 6,8% năm 2011 và chỉ còn 4,9% năm 2012. Giảm đầu tư vào bất động sản và xây dựng cơ sở hạ tầng là nguyên nhân chính của giảm tăng trưởng ở Trung Quốc. Còn nguyên nhân của giảm đầu tư này là do cuối năm ngoái, Trung Quốc thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát. Nguyên nhân chính khác của giảm tăng trưởng là xuất khẩu sang EU và một số thị trường như Nga, Brasil, Ấn Độ giảm. Bên cạnh đó, lo ngại về triển vọng kinh tế cũng làm giảm tiêu dùng cá nhân của đất nước hơn 1,3 tỷ dân này và góp phần làm giảm tăng trưởng.

2.2. Thất nghiệp

Tỷ lệ thất nghiệp chung ở nhóm các nước phát triển vẫn tiếp tục ở mức cao trên 8% kể từ khi khủng hoảng tài chính nổ ra, cao hơn rất nhiều so với mức bình quân hàng năm 6,6% trong giai đoạn 1980-2008. Riêng Eurozone, tỷ lệ thất nghiệp năm 2012 đạt mức cao kỷ lục (11,2%) của thời kỳ từ 1980 đến nay. Theo thống kê của Eurostat, tỷ lệ thất nghiệp ở Eurozone trong tháng 11/2012 lên đến 11,8%, tức là có khoảng 18,8 triệu người không có việc làm. Cả khối EU có 26 triệu người không có việc làm, và tỷ lệ thất nghiệp chung là 10,7%. Tỷ lệ thất nghiệp ở một loạt nước thành viên Eurozone lên đến 2 chữ số, nhất là Hy Lạp và Tây Ban Nha lên đến hơn 26%. Liên Hiệp Quốc đã xem tình trạng thất nghiệp này giống như "khủng hoảng việc làm".

2.3. Lạm phát

IMF dự báo tỷ lệ lạm phát (tính theo chỉ số giá tiêu dùng bình quân) toàn cầu năm 2012 chỉ khoảng 4,0% so với năm 2011 là 4,9%. Ở các nước công nghiệp phát triển, cùng với tăng trưởng kinh tế suy giảm, lạm phát cũng ở mức thấp. Chỉ số giá tiêu dùng của nhóm nước OECD nói chung tháng 11/2012 chỉ tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2011, còn chỉ số lạm phát cơ bản chỉ tăng 1,5% cùng thời kỳ. Chỉ số giá tiêu dùng của nhóm nước đang phát triển nói chung chỉ tăng 5,6%. Trong các nền kinh tế tiên tiến, Nhật Bản tiếp tục gặp khó khăn trong chống giảm phát. Những nỗ lực cuối năm 2011 chỉ giúp Nhật Bản thoát khỏi giảm phát được một thời gian ngắn nửa đầu năm 2012 để rồi rơi vào giảm phát trở lại. Ở các nền kinh tế đang nổi lên, Trung Quốc và Ấn Độ đều nỗ lực kiềm chế lạm phát, vốn tăng tốc trong năm 2011. Song, chỉ có Trung Quốc thành công trong công tác này. Các nền kinh tế đang nổi lên khác như Brasil, Indonesia, Nam Phi, Nga đều giữ được ổn định giá cả.

2.4. Thương mại quốc tế

Về thương mại quốc tế, tăng trưởng xuất khẩu của Đông Á năm 2012 chậm lại do suy thoái và giảm tăng trưởng ở khối các nước phát triển. Xuất khẩu hàng chế tạo sang châu Âu thậm chí gần như không tăng, trong khi đây là mặt hàng xuất khẩu chính của Đông Á. Những nước xuất khẩu nguyên liệu thô và hàng nông sản, lương thực ít bị ảnh hưởng hơn vì độ co giãn của cầu theo giá các mặt

hàng này ở các nước phát triển tương đối nhỏ. Nhìn chung, thương mại hàng hóa toàn cầu năm 2012 vẫn tăng so với năm 2011, nhưng tốc độ tăng (2,5%) chậm hơn so với năm ngoái (5,0%).

Theo đánh giá của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), thương mại quốc tế năm 2012 chỉ tăng 2,5% so với mức 5% năm 2011, và cũng thấp hơn chính dự kiến 3,7% mà WTO đưa ra đầu năm. Cả nhập khẩu lẫn xuất khẩu đều tăng chậm hơn hẳn năm 2010 và 2011. Cả nhóm nước phát triển lẫn nhóm nước đang phát triển đều không đạt được mức tăng trưởng thương mại cao như năm trước. Nhập khẩu ở các nước công nghiệp phát triển chỉ tăng 0,4% năm 2012, thấp hơn nhiều mức 2,9% và 11% tương ứng với các năm 2011 và 2010. Đồng thời, xuất khẩu của các nước đang phát triển khá yếu, đạt tốc độ tăng 3,5%.

Còn theo tính toán của IMF, nhập khẩu hàng hóa của các nước phát triển chỉ tăng 1,7% trong năm 2012, trong khi năm 2011 tăng 4,9% và năm 2010 tăng tới 13,4%. Khu vực đồng Euro đóng góp nhiều nhất vào sự giảm tốc này; năm 2012, khu vực giảm nhập khẩu 0,4%. Chính cuộc khủng hoảng nợ công và các chính sách thắt lưng buộc bụng làm giảm tiêu dùng cá nhân, giảm đầu tư tư nhân, giảm mua sắm của chính phủ là nguyên nhân gây giảm nhập khẩu. Xuất khẩu cũng tăng chậm lại trong năm 2012, cả ở các nước phát triển lẫn các nước đang phát triển. Tốc độ tăng xuất khẩu của nhóm nước phát triển giảm đi 3,3 điểm phần trăm giữa năm 2012 và 2011, từ 5,7% xuống còn 2,4%. Tốc độ tăng xuất khẩu của nhóm nước đang phát triển cũng giảm đi 2,5 điểm phần trăm. Nhu cầu giảm và tín dụng giảm là những nhân tố góp phần quan trọng làm cho xuất khẩu không tăng mạnh bằng năm ngoái.

Trong tình hình thương mại quốc tế tăng chậm lại như thế, tự do hóa thương mại trong khuôn khổ đa phương (theo WTO) không có tiến triển nào mà chỉ có những lời kêu gọi hãy nối lại đàm phán. Mức độ bảo hộ (WTO gọi vấn đề này chệch đi thành “hạn chế thương mại (*trade restriction*)”) chuyển sang mức độ mà Tổng Giám đốc WTO Pascal Lamy trong cuộc gặp đại sứ các nước thành viên hồi giữa năm 2012 đánh giá là nghiêm trọng và báo động. Việc thực thi các biện pháp hạn chế hoặc có nguy cơ hạn chế thương mại không những không giảm mà còn tiếp tục tăng ở một số nước trong đó có những

nước thành viên G-20.

2.5. Đầu tư quốc tế

FDI toàn cầu (dòng vào) năm 2012 giảm so với năm 2011, giảm từ mức khoảng 1,9 nghìn tỷ dollar Mỹ xuống còn khoảng chưa đến 1,7 tỷ dollar. Nguyên nhân chính là các công ty đầu tư đa quốc gia bi quan về triển vọng kinh tế các nước. Đói tin dụng cũng ảnh hưởng tiêu cực đến FDI toàn cầu vì những ngân hàng ở Mỹ, EU và Nhật Bản nhìn chung đều giảm cho vay và tăng cường thu hồi các khoản đã cho vay để củng cố bảng cân đối tài sản của mình trong cuộc khủng hoảng nợ công.

Năm 2012, dòng vốn FDI chảy vào các nước đang phát triển ước chỉ đạt 594 tỷ dollar Mỹ, giảm 7% từ mức 640 tỷ dollar của năm 2011. Nhưng không phải tất cả các nước đang phát triển đều nhận được ít FDI đi. Các nước Mỹ Latinh và Caribe vẫn thu hút được nhiều FDI trong năm 2012 hơn năm trước. Nhóm BRIC vẫn chiếm phần lớn dòng FDI vào các nước đang phát triển, nhưng lượng vốn vào nhóm này năm 2012 gần như không tăng. FDI vào các nước Trung Đông, châu Phi, Nam Á giảm mạnh, trong khi vào Đông Á (gồm cả Đông Nam Á) chỉ giảm nhẹ. Chính những bi quan về triển vọng kinh tế toàn cầu đã khiến các công ty đa quốc gia ngần ngại đầu tư vào các nước đang phát triển, khiến cho dòng FDI vào giảm đi trong khi dòng FDI ra thì lại tăng lên. Đồng thời, ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng nợ công ở Eurozone đã thúc ép các ngân hàng ở khu vực này giảm cho vay và tăng cường thu hồi các khoản đã cho vay. *Khảo sát triển vọng đầu tư thế giới 2012-2014* do UNCTAD tiến hành bằng phương pháp phỏng vấn các lãnh đạo công ty đa quốc gia và các tổ chức xúc tiến đầu tư cho thấy tỷ lệ bi quan hoặc rất bi quan về môi trường đầu tư thế giới năm 2012 lên tới 29,4% và tỷ lệ không bi quan cũng không lạc quan là 50,9%. Năm ngoái, các tỷ lệ này chỉ lần lượt là 1% và 31%. UNCTAD dự báo năm 2012, dòng FDI thế giới khó có thể lớn hơn 1,6 nghìn tỷ dollar Mỹ. Dự báo này được UNCTAD thực hiện bằng một mô hình kinh tế lượng trong đó FDI được dự báo dựa vào tốc độ tăng trưởng của nhóm G-20, quy mô GDP của từng nước, giá dầu, mức độ mở cửa của mỗi nước và quy mô dòng FDI thời kỳ kế trước.

Trong khi đó, dòng vốn FDI ra từ các nước đang

phát triển lại tăng lên đáng kể trong năm 2012 - khoảng 11%, đạt khoảng 237 tỷ dollar - mức mà Cơ quan Bảo lãnh Đầu tư Đa phương đánh giá là “kỳ lục mới”. Khoảng 64% lượng vốn FDI chảy khỏi các nước đang phát triển là từ nhóm BRIC. Từ nhiều năm qua, Trung Quốc và Brasil đã đẩy mạnh đáng kể đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, và trong năm 2012 họ vẫn tiếp tục đẩy mạnh hoạt động này. Trái lại, Ấn Độ và Nga giảm FDI ra nước ngoài. Ở nhóm các nước phát triển, cả dòng vốn FDI vào lẫn ra đều giảm, rõ nét nhất là FDI dưới hình thức mua lại và sáp nhập.

3. Triển vọng kinh tế thế giới năm 2013

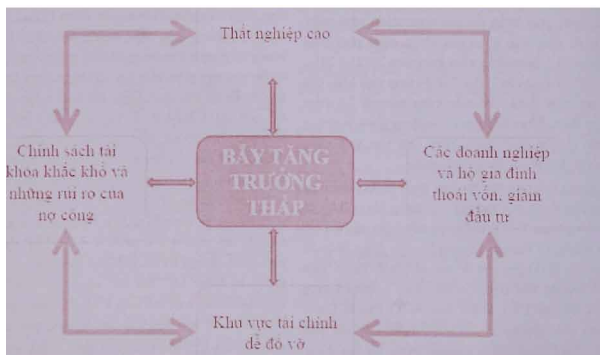
Triển vọng kinh tế thế giới 2013 tiếp tục phân ứng xu hướng và vấn đề trung- dài hạn với những đặc điểm riêng phụ thuộc đáng kể vào các biện pháp đã thực hiện trong năm 2012, những biện pháp sẽ thực hiện trong năm 2013, cũng như vào những động thái an ninh quốc tế năm 2013.

Kinh tế các nước phát triển sẽ vẫn trì trệ trong năm 2013. Điều này kéo theo kinh tế toàn cầu trì trệ. Như Hình 1 cho thấy, có một vòng xoáy bất lợi liên

quan đến bẫy tăng trưởng thấp ở các nước phát triển. Hiện nay, chính phủ các nước phát triển đã có những biện pháp chính sách để phá vỡ vòng xoáy này; chẳng hạn như chính sách nới lỏng tiền tệ được kỳ vọng là sẽ phá vỡ tác động qua lại giữa chính sách tài khóa khắc khổ với tình trạng thất nghiệp cao hay các chính sách của ECB và EU có thể phá vỡ tác động qua lại giữa hệ thống tài chính dễ đổ vỡ và chính sách tài khóa khắc khổ cùng rủi ro của nợ công. Tuy nhiên, vòng xoáy bất lợi và bẫy tăng trưởng thấp này không phải là dễ mà phá vỡ đầy đủ.

So với 2012, các biện pháp nới lỏng tiền tệ sẽ giúp tăng tốc phục hồi kinh tế ở các nước trong năm 2013. Tương tự QE2 trước đây, QE3 có thể sẽ giúp kinh tế Mỹ phục hồi nhanh hơn năm 2012 (song, mức tăng tốc sẽ không lớn) hoặc chí ít cũng chặn được suy giảm tăng trưởng. Hai giờ sáng ngày đầu năm mới 2013, Chính quyền Obama và các nghị sĩ Đảng Cộng hòa trong Thượng viện mới đạt được thỏa thuận về thuế và chỉ tiêu ngân sách, tạm thời tránh cho nước Mỹ va vào “vách đá tài khóa” ngay đầu năm. Điều này giúp củng cố niềm tin vào sự tiếp

Hình 1: Vòng xoáy bất lợi của tăng trưởng kinh tế ở các nước phát triển



Nguồn: UN World Economic Situation and Prospects 2013, Global Outlook, Figure 1.3a.

tục phục hồi của kinh tế Mỹ năm 2013. Tuy nhiên, không thể tránh khỏi vách đá này được, vì nợ công của Mỹ đã lên mức cao và chi phí của việc tái cấp vốn cho các ngân hàng đã trở nên rất lớn. Vì thế, Mỹ sẽ sớm phải cắt giảm chi tiêu ngân sách, có thể ngay trong năm 2013, và điều này sẽ tác động tiêu cực tới tăng trưởng năm 2013.

Dự báo, kinh tế Nhật Bản sẽ tăng tốc trong năm 2013. Đảng Dân chủ Tự do (LDP) của Thủ tướng Abe Shinzo có xu hướng thích và cũng có kinh nghiệm kích cầu. Trọng tâm chính sách kinh tế của chính phủ mới của Nhật Bản là kích thích tăng trưởng, ngăn đồng Yên lên giá và thoát khỏi giảm phát. Chính phủ Nhật đã thông báo gói kích cầu mới trị giá 20,2 ngàn tỷ Yên (tương đương 226,5 tỷ USD) triển khai trong năm ngân sách 2013 (bắt đầu từ tháng 4/2013). Một khoản chi tiêu ngân sách bổ sung trị giá 13 ngàn tỷ Yên cho năm ngân sách 2012 cũng đã được chính phủ đề nghị. Chính phủ liên hiệp LDP-Komeito có nghĩa là chính sách của ông Abe sẽ nhiều khả năng được đa số đại biểu quốc hội ủng hộ, tạo thuận lợi cho đề án chính sách được thông qua. Tuy nhiên, vẫn có thách thức đối với tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản. Trước hết, thuế tiêu dùng sẽ tăng trong thời gian tới (từ 5% lên 8% vào tháng 4/2014 và lên tiếp 10% vào tháng 10/2015). Kỳ vọng tiêu dùng cá nhân giảm sẽ có thể khiến đầu tư tư nhân giảm ngay từ năm 2013. Nếu kinh tế tiếp tục trì trệ, Nhật Bản sẽ có thể tiếp tục kích cầu và nói lòng tiền tệ nữa không là một câu hỏi khó. Nợ chính phủ của Nhật Bản đã quá cao so với GDP, còn lãi suất cho vay thì đã ở mức rất thấp.

Ở châu Âu, tình hình tăng trưởng có thể sẽ tốt hơn vào năm 2013 với điều kiện quỹ mới và hiệp định mới phát huy hiệu lực. Dù vậy, nhóm nước PIIGS (Bồ Đào Nha, Ý, Ireland, Hy Lạp, Tây Ban Nha) vẫn sẽ chưa thể ra khỏi suy thoái trong năm 2013. Tuy nhiên, nguy cơ đối với châu Âu là chủ nghĩa dân tộc tài nguyên có thể cản trở việc thực hiện những hiệp định đã được thỏa thuận. Đức là nước phải đóng góp nhiều nhất cho các quỹ của EU để đối phó với khủng hoảng của Eurozone; song thực tế Đức còn ngần ngại. Cơ chế Ổn định châu Âu theo thỏa thuận đáng lẽ được thực hiện từ tháng 9/2012, nhưng chính vì Đức vẫn còn lưỡng lự mà phải lùi lại đến tháng 10/2012. Mặt khác, những nước nhận cứu trợ lại không muốn trả giá bằng thất

lương buộc bụng. Nhiều nhà kinh tế, mà tiêu biểu là Joseph E. Stiglitz và Paul E. Krugman, cho rằng chính sách tài khóa khắt khe chính là nguy cơ lớn với tăng trưởng kinh tế của các nước khủng hoảng cũng như với toàn cầu. Tây Ban Nha vẫn kiên nhẫn từ chối trợ giúp vì sợ phải chịu những điều kiện ràng buộc khắt khe. Tuy nhiên, nếu không có trợ giúp, các nước PIIGS khó có thể đơn độc vượt qua khủng hoảng. Thêm vào đó, không rõ kết quả bầu cử quốc hội của Ý tháng 2/2013 ra sao. Nếu ông Mario Monti không giành chiến thắng và trở lại vị trí Thủ tướng thì có khả năng chương trình cải cách tài chính - lao động của ông sẽ bị ngừng lại hoặc thay đổi, triển vọng kinh tế của Ý vì thế có thể sẽ xấu. Ngược lại, nếu ông và các đồng chí của mình giành chiến thắng, cải cách sẽ được đẩy nhanh hơn và có tác động tích cực hơn đối với tăng trưởng kinh tế. Nước Đức cũng sẽ có bầu cử quốc hội vào khoảng tháng 9-10/2013 và vị trí Thủ tướng, nhưng kết quả có lẽ chỉ ảnh hưởng đến kinh tế Đức từ năm 2014.

Quỹ Tiền tệ Quốc tế dự báo kinh tế Trung Quốc sẽ tăng tốc trong năm 2013 nhờ các chính sách nói trên, song vẫn chưa thể đạt tốc độ cao như các năm 2010-2011. Có nhiều tranh luận về việc Trung Quốc sẽ “hạ cánh” khó khăn hay thuận lợi. Lâu nay, mỗi khi thế giới hoặc khu vực rơi vào suy thoái hay khủng hoảng, Trung Quốc đều vượt qua được những tác động tiêu cực từ bên ngoài. Tuy nhiên, lần này, những số liệu thống kê cho thấy tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc năm 2012 đã giảm tới 1,4 điểm phần trăm so với năm trước. Nếu giảm 2 điểm phần trăm trong một năm được coi là “hạ cánh cứng” thì Trung Quốc năm 2012 gần như vậy. Nỗ lực dựa vào cầu cá nhân nội địa không hẳn được đã giảm tăng trưởng, nên Trung Quốc đã phải trở lại chính sách kích cầu từ cuối năm 2012 dù không muốn đầu tư nhiều vào cơ sở hạ tầng và bất động sản để chống lạm phát. Cơ cấu lại nền kinh tế để chuyển đổi từ mô hình tăng trưởng thâm dụng vốn (ý vào đầu tư) sang mô hình tăng trưởng lấy tiêu dùng làm đầu tàu là một việc hoàn toàn không dễ dàng. IMF dự báo kinh tế Trung Quốc với những động thái chính sách mới từ cuối năm 2012 sẽ tăng tốc vào năm 2013, nhưng chỉ khoảng 8,2%.

Theo dự báo của UNCTAD, khi tốc độ tăng trưởng cao hơn và quy mô GDP lớn hơn trong năm 2013, tăng trưởng của dòng FDI toàn cầu năm 2013

sẽ tăng tốc so với năm nay. Còn theo khảo sát bằng phỏng vấn cho thấy tỷ lệ lạc quan hoặc rất lạc quan năm 2013 lên đến 41,4% và bi quan hoặc rất bi quan chỉ còn 11,7%.

Về thương mại, năm 2013, khi tình hình kinh tế khá hơn, nhu cầu nhập khẩu sẽ tăng lên giúp cho thương mại toàn cầu tăng trưởng khá hơn năm nay. Tuy nhiên, không có dấu hiệu gì trong năm 2012 và các năm trước cho thấy Vòng đàm phán Doha trong khuôn khổ WTO sẽ được khởi động trở lại. Xu hướng hình thành các FTA song phương và khu vực nhiều khả năng sẽ tiếp tục, thậm chí tiếp tục một cách tích cực.

Những dự báo trên dựa vào giả thiết rằng không có cú sốc giá dầu, không có chuyện kinh tế Trung Quốc giảm tăng trưởng quá nhanh (“hạ cánh cứng”) trong năm 2013, khủng hoảng nợ công ở châu Âu không leo thang. Trong khi hai nhân tố sau ít có khả

năng xảy ra, thì khả năng xảy ra cú sốc giá dầu trong năm 2013 lại không hề thấp, liên quan đến nguy cơ chiến tranh ở Trung Đông. Những diễn biến trong năm 2012, đặc biệt là trong thời gian cuối năm, của cuộc xung đột ở Syria cho thấy NATO đã chuẩn bị xong cho một cuộc can thiệp quân sự quy mô lớn vào Syria.

Theo dự báo của Liên Hiệp Quốc, trong kịch bản có những nguy cơ rủi ro thành hiện thực, tăng trưởng kinh tế 2013 có thể giảm tốc, xuống còn 0,2%. Nếu những rủi ro không xảy ra, kinh tế 2013 sẽ tăng tốc, lên khoảng 2,4%. Và đây là kịch bản dễ xảy ra nhất. Còn nếu các chính phủ có những chính sách can dự tích cực, tăng trưởng kinh tế 2013 có thể tươi sáng hơn, đạt 3,8%. Do tăng trưởng tiếp tục tri tri, nhất là ở các nước phát triển, nên thất nghiệp sẽ vẫn ở mức cao cho đến tận năm 2017. □

1. Nguyên văn tiếng Anh trong thông cáo báo chí của ECB là “No ex ante quantitative limits are set on the size of Outright Monetary Transactions.” http://www.ecb.int/press/pr/date/2012/html/pr120906_1.en.html

2. Cơ chế Ổn định châu Âu (European Stability Mechanism)

3. Phương tiện Ổn định Tài chính châu Âu (European Financial Stabilization Facility) thành lập năm 2010.

4. Cơ chế Ổn định Tài chính châu Âu (European Financial Stabilization Mechanism) thành lập năm 2011.

5. Treaty on Stability, Coordination and Governance in the Economic and Monetary Union.

Tài liệu tham khảo:

1. Globalization and Monetary Policy Institute (2013), *Global Economic Conditions*, Dallas: January.
2. ILO (2013), *Global Employment Trends 2013*, International Labour Office, Geneva: January.
3. IMF (2012), *World Economic Outlook*, International Monetary Fund, Washington D.C.: October.
4. IMF (2013), *World Economic Outlook Update*, International Monetary Fund, Washington D.C.: January.
5. MIGA (2013), *2012 World Investment and Political Risk*, Multilateral Investment Guarantee Agency, Washington D.C.
6. UN (2013), *World Economic Situation and Prospect 2013*, United Nations, New York. January.
7. UNCTAD (2012), *UNCTAD Handbook of Statistics 2012*, New York and Geneva, December 2012.
8. UNCTAD (2012), *World Investment Report 2012*, New York and Geneva, July 2012.
9. WB (2013), *Global Economic Prospects: Assuring Growth Over the Medium Term*, World Bank Group, Washington D.C.: January.